TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2025.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hùng Phong.

Ông Thạch Na Rết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 16/8/1982 (có đơn xin vắng mặt).

Số căn cước công dân ngày 22/12/2022.

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Số căn cước công dân .

Địa chỉ: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Bà và ông Trịnh Văn Đ được gia đình tổ chức lễ cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2002, đến nay không đăng ký kết hôn. Giữa bà với ông Đ có bốn người con chung tên Trịnh Thị Huyền C, sinh ngày 19/7/2004; Trịnh Thanh T, Trịnh Ngọc T1 và Trịnh Bích T2 sinh cùng ngày 26/11/2011. Đối với Huyền C đã trưởng thành và có gia đình riêng, ba người con nhỏ sống với ông Đ. Do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn với nhau làm cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu giải quyết không công nhận bà và ông Trịnh Văn Đ là vợ chồng với nhau.

Về con chung: Bà yêu cầu giao các con chung tên Trịnh Thanh T, sinh ngày 26/11/2016; Trịnh Ngọc T1, sinh ngày 26/11/2011 và Trịnh Bích T2, sinh ngày 26/11/2011 cho ông Trịnh Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Đối với con chung tên Trịnh Thị Huyền C, sinh ngày 19/7/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Trịnh Văn Đ vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai vắng mặt không lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến. Về nội dung thì thấy mối quan hệ của bà B và ông Đ sống chung, không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng, do đó đề nghị tuyên không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Trịnh Văn Đ là vợ chồng. Đối với con chung Huyền C đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống bản thân và bà B không yêu cầu giải quyết con chung là cháu C nên đề nghị Hội đồng không đặt ra xem xét. Đối với ba con chung Trịnh Thanh T, Trịnh Ngọc T1 và Trịnh Bích T2 cùng sinh ngày 26/11/2011 hiện đang sống với ông Đ, các cháu đang đi học tại địa phương và bà B yêu cầu giao con cho ông Đ nuôi dưỡng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao ba con chung này cho ông Đ. Đối với cấp dưỡng cho con, bà B tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho ba con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về các vấn đề tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà B là người khởi kiện trong vụ án ly hôn và thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nên đề nghị buộc bà B phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà B khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã V, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà B trình bày cho rằng giữa bà và ông Đ sống chung không đăng ký kết hôn là phù hợp nội dung xác nhận của UBND xã V tại *"Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc B ngày 03/4/2025 là đương sự*

Trịnh Văn Đ và nguyễn Thị Ngọc B không có tên trong sổ lưu kết hôn tại UBND xã V là đúng sự thật" (bl 07). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, mối quan hệ giữa bà B và ông Đ không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, tuyên không công nhận quan hệ giữa bà B và ông Đ là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà B và ông Đ có bốn người con tên Trịnh Thị Huyền C, sinh ngày 19/7/2004; Trịnh Thanh T, Trịnh Ngọc T1 và Trịnh Bích T2 sinh ngày 26/11/2011. Đối với con chung Huyền C đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân và các bên không yêu cầu giải quyết con chung là cháu C nên Hội đồng không đặt ra xem xét. Đối với ba con chung Trịnh Thanh T, Trịnh Ngọc T1 và Trịnh Bích T2 đều sinh ngày 26/11/2011 theo trình bày của bà B các con hiện sống với ông Đ, là phù hợp kết quả xác minh bà Nguyễn Thị T3 ngày 18/7/2025 (bl 54) nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B về giao ba con chung cho ông Đ nuôi dưỡng. Ghi nhận sự ý kiến của bà B đồng ý cấp dưỡng cho ba người con chung là Thanh T, Ngọc T1 và Bích Tuyền mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ngọc B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí cấp dưỡng, bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu theo quy định điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Trịnh Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho ông Trịnh Văn Đ được nuôi dưỡng ba người con chung tên Trịnh Thanh T, sinh ngày 26/11/2016; Trịnh Ngọc T1, sinh ngày 26/11/2011 và Trịnh Bích T2, sinh ngày 26/11/2011 đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Ngọc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B cấp dưỡng cho ba người con chung với ông Đ là cháu Trịnh Thanh T, Trịnh Ngọc T1 và Trịnh Bích T2 đến khi con đủ 18 tuổi, cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000 đồng/người con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 19/8/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001902 ngày 08/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà B còn phải nộp là 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Vĩnh Lợi, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai